

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ - ST.

Ngày 02/10/2019.

V/v: “Tranh chấp kiện xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Duy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Huệ và ông Lê Chí Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, về “Tranh chấp kiện xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1971.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt bà K, ông H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị K có quan điểm:

Bà và ông Phạm Văn H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/1995 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn cũng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hòa thuận được khoảng mấy năm đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà bất đồng về quan điểm sống, cách sống nên hay cãi nhau và không có tiếng nói chung. Do vậy, năm 2004 bà đã đi làm xa nhà và vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng bà cũng phai nhạt dần và không còn nữa. Đến nay, bà thấy mâu thuẫn giữa bà và ông H đã rất trầm trọng không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Phạm Văn H.

* Tại bản tự khai ông Phạm Văn H có quan điểm: Ông cũng xác định về thời gian, địa điểm, trình tự, thủ tục, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng chung sống, sống ly thân như bà K đã khai. Ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà K xin ly hôn ông cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Bà K và ông H thống nhất 02 con chung là Phạm Văn T, sinh ngày 26/01/1996 (con trai) và Phạm Thị Vân A, sinh ngày 08/10/2000 (con gái) đều đã trưởng thành và tự lập được nên ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Con nuôi, con riêng: Vợ chồng ông, bà không có. Hiện bà K không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Bà K và ông H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà K và ông H thống nhất không có nên ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Bà Phạm Thị K vẫn giữ nguyên quan điểm như trước đó đã trình bày. Về hôn nhân bà vẫn xin được ly hôn với ông Phạm Văn H. Còn các vấn đề khác bà không đề nghị giải quyết. Ông Phạm Văn H có bản tự khai thể hiện quan điểm, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị K đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/8/2019, ngày 05/9/2019.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 51, 54, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà K với ông H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà K và ông H.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà K, ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Phạm Thị K có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Kiện xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn ông Phạm Văn H có nơi cư trú tại tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn H kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/1996 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị K, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chỉ chung sống hoà thuận trong mấy năm đầu và có 02 con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ông bà hay xảy ra cãi nhau do không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung nên năm 2004, bà K đã đi làm xa nhà và vợ chồng ông bà đã sống ly thân đến nay. Tại bản tự khai của ông H cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn. Quá trình giải quyết vụ việc, mặc dù Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để tham gia các phiên họp hoà giải nhưng ông H đều vắng mặt và phiên tòa ngày 24/9/2019, phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ ông H không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng bà K, ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Phạm Văn T, sinh ngày 26/01/1996 (con trai) và Phạm Thị Vân A, sinh ngày 08/10/2000 (con gái) đều đã trưởng thành và tự lập được, ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Do bà K không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Bà K, ông H phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị K xin nộp cả án phí cho ông H.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ điều 55; 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn H.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn H mỗi người phải nộp là 150.000đ, chấp nhận sự tự nguyện của bà K nộp toàn bộ án phí ly hôn. Bà K được đối trừ với 300.000đ, mà bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002182 ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà K đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bà K có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Duy

